TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **139**/2019/DS-PT
Ngày: 13 - 8 - 2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂNTHÀNH PHỐ CẦN THƠ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Quốc

Các Thẩm phán: 1/- Bà Võ Bích Hải.

2/- Bà Nguyễn Thị Thùy Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Huỳnh Thái Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Võ Quốc Thông - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2019/TLPT-DS ngày 08 tháng 7 năm 2019 về *"Tranh chấp hợp đồng góp hụi"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 59/2019/DS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 218/2019/QĐPT-DS ngày 24 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Dương Thị Th**. sinh năm: 1956. Địa chỉ: ấp 2, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Quốc N, sinh năm: 1981. Địa chỉ: Tổ 48A, Khu vực 7, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ (văn bản ủy quyền ngày 26/7/2019). Có mặt.

2. Bị đơn: Bà **Bùi Thị T**. sinh năm: 1975. Địa chỉ: ấp 5, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Dương Thị Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn bà Dương Thị Th thông qua người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Tùng Lâm trình bày:*

Khoảng năm 2015, bà Dương Thị Th có tham gia chơi hụi do bà Bùi Thị T làm chủ hụi. Bà T tham gia 01 phần dây hụi mùa 3.000.000đ, mở ngày 30/6/2015 (nhằm ngày 15/5/2015 âl) 03 tháng khui một lần, dây hụi có 14 phần. Bà T đã góp hụi đầy đủ cho bà Th được 13 lần hụi sống, đến lần thứ 14 (nhằm ngày 15/5/2018 âl) thì hốt được số tiền 39.000.000đ. Sau khi trừ tiền huê hồng 1.500.000đ, số tiền hốt hụi còn lại 37.500.000đ.

Ngoài ra, bà Th còn nợ tiền hụi của bà T số tiền 8.000.000đ nên tổng số tiền bà Th phải giao cho bà T là 45.500.000đ, nhưng bà Th chưa giao. Do đó bà T khởi kiện yêu cầu bà Th trả cho bà số tiền 45.500.000đ.

* *Bị đơn bà Bùi Thị T trình bày:*

Bà thống nhất lời trình bày của phía nguyên đơn về thời gian chơi hụi, tham gia phần hụi và số tiền đã góp hụi. Đến ngày hốt hụi 15/5/2018 âl, bà T là người hốt cuối với số tiền 39.000.000đ, trừ huê hồng 1.500.000đ, còn lại 37.500.000đ. Ngoài ra, bà còn nợ bà T số tiền hụi khác là 8.000.000đ. Tổng cộng bà phải giao cho bà T số tiền 45.500.000đ.

Tuy nhiên trước đó, ngày 26/02/2016 bà T có mượn bà 20.000.000đ không tính lãi và ngày 25/5 âl, bà T còn thiếu bà 25.500.000đ tiền hụi chưa góp, tổng cộng là 45.500.000đ. Nên khi bà T hốt hụi, hai bên đã cấn trừ số tiền hốt hụi 45.500.000đ vào số tiền bà T còn nợ 45.500.000đ. Khi cấn trừ, bà có viết biên nhận tay ngày 15/5/2018 âl giao cho bà T giữ và bà T có ký và viết tên trong sổ hụi gốc của bà với nội dung là bà T đã nhận số tiền hụi 37.500.000đ.

Ngoài ra, hai bên có lập một biên nhận viết tay do bà viết với nội dung là bà T đã nhận đủ số tiền 45.500.000đ (số tiền hốt hụi 37.500.000đ + tiền nợ hụi khác 8.000.000đ). Trong biên nhận này có chữ ký và chữ viết tên của bà T. Tại phần chữ ký của bà T, bà có viết một chữ R với ý nghĩa là bà đã giao tiền rồi. Biên nhận này, bà giữ bản chính, bản photo giao cho bà T giữ. Trong biên nhận này có sửa hai dòng, nội dung sửa là "*cô T nhận của Th gồm 37.500.000đ tiền hụi, cộng 8.000.000đ Th trả nợ hụi*", ngày tháng năm nhận, lý do sửa là do bà viết nhằm số tiền 500.000đ, còn ngày tháng năm thì do viết bút bi mực bị mờ nên viết lại nhiều lần cho rõ. Việc tẩy xóa, sửa là trước khi bà T ký tên vào biên nhận. Do đó bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, vì đã cấn trừ nợ xong.

Vụ việc hòa giải không thành nên Tòa án nhân dân huyện C đưa ra xét xử; tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 59/2019/DS-ST ngày 22/5/2019 đã tuyên:

Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Th về việc yêu cầu bị đơn bà Bùi Thị T có trách nhiệm trả số tiền 45.500.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 03/6/2019 nguyên đơn bà Dương Thị Th kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ những biên nhận bị đơn cung cấp có nhiều dấu vết tẩy sửa, viết đè, viết chồng lên, viết thêm nội dung vào biên nhận, màu mực khác nhau, làm sai lệch nội dung, ngụy tạo chứng cứ. Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo xác định vẫn giữ yêu cầu kháng cáo. Bị đơn vẫn giữ ý kiến như đã trình bày tại phiên tòa sơ thẩm.

Kiểm sát viên phúc thẩm phát biểu ý kiến: Về thể thức tố tụng, đương sự và Tòa án các cấp đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Về nội dung: căn cứ vào 02 giấy biên nhận ngày 15/5/2018 âl (BL 16 và BL 26) thể hiện rõ sự tiện nguyên đến hốt hụi và sau khi đối chiếu với nhau thì tổng số tiền nguyên đơn được nhận và đã nhận là 45.500.000đ; bị đơn đã giao tiền hụi cho

nguyên đ□n xong. Do đó yêu c□u kh□i ki□n cũng nh□ kháng cáo c□a nguyên đ□n không có căn c□, đ□ ngh□ H□i đ□ng xét x□ phúc th□m không ch□p nh□n kháng cáo c□a nguyên đ□n, gi□ y n□i dung án s□ th□m; s□a án s□ th□m v□ ph□n án phí mi□n cho nguyên đ□n theo quy đ□nh do là ng□□i cao tu□i.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải giao số tiền hụi do nguyên đơn hốt chót mà bị đơn chưa giao. Cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết xác định quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về nội dung: Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn kháng cáo yêu cầu phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm vì các chứng cứ do bị đơn cung cấp có sửa chữa, tẩy xóa, giả tạo không có giá trị. Xét kháng cáo, thấy rằng:

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, hai bên đương sự thống nhất xác định nguyên đơn là người hốt hụi chót, sau khi trừ hoa hồng thì số tiền hụi còn lại bị đơn có trách nhiệm giao cho nguyên đơn là 37.500.000đ. Ngoài ra trong quá trình chơi hụi, trước đó bị đơn có nợ nguyên đơn 8.000.000đ, nên sau khi nguyên đơn hốt dây hụi này cộng hai khoản lại số tiền hụi bị đơn phải giao cho nguyên đơn là 45.500.000đ. Đồng thời nguyên đơn thừa nhận chữ ký trong tờ giấy tay ngày 15/5/2018 âl (BL 26) là do nguyên đơn ký. Do đó, căn c□ kho□n 2 Đi□u 92 B□ lu□t t□ t□ng dân s□, tình ti□t này đ□□c công nh□n là s□ th□t.

[3] Tuy nhiên, nguyên đơn cho rằng số tiền hụi 45.500.000đ này bị đơn chưa giao và nguyên đơn chưa nhận. Đánh giá tình tiết này, thấy rằng:

+ Tại Bút lục 16 giấy tay ngày 15/5/2018 (âl) thể hiện: Cô T hốt hụi 39.000.000đ, trừ thảo và cộng với khoản Thu trả 8.000.000đ = 45.500.000đ. Thu giao đủ cô.

+ Tại Bút lục 26 giấy tay ngày 15/5/2018 (âl) thể hiện: Cô T nhận của Thu gồm 37.500.000đ, cộng 8.000.000đ Thu trả nợ hụi; tổng cộng 45.500.000đ và có chữ "R" tại phần người giao đủ, ký tên Bùi Thị T. Đồng thời có chữ ký tên và viết họ tên Dương T Tâm.

[3.1] Mặc dù tờ giấy tay lập ngày 15/5/2018 âl (BL26) ngày tháng năm phía trên gốc trái có dấu vết viết đè lên (tô đậm lên), nhưng phần cuối văn bản cũng có ghi ngày 15/5/2018 âl, chứng tỏ văn bản này lập ngày 15/5/2018 âl là có thật. Về nội dung trong văn bản này thể hiện số tiền 37.500.000đ được viết đè lên (tô đậm lên) dòng chữ trước đó, nhưng số tiền tổng cộng là phù hợp với 02 khoản 37.500.000đ + 8.000.000đ = 45.500.000đ không bị tẩy sửa, viết đè lên hoặc tô đậm… Đồng thời văn bản này cũng ghi dòng chữ "*Người giao đủ và chữ R*" được nguyên đơn ký và viết họ tên xác nhận.

[3.2] Đối chiếu với tờ giấy tay ngày 15/5/2018 âl (BL 16) ghi: Cô T hốt hụi 39.000.000đ, trừ thảo và cộng với khoản Thu trả 8.000.000đ = 45.500.000đ. Thu giao đủ cô. Văn bản này do bị đơn viết giao cho nguyên đơn giữ và chính

nguyên đơn đã nộp cung cấp cho Tòa án hoàn toàn phù hợp với số tiền của giấy tay ngày 15/5/2018 âl (BL 26) do bị đơn cung cấp.

+ Tại Đơn khởi kiện ngày 10/8/2018 (BL 10,11) nguyên đơn trình bày: "... *Đến ngày 21/5/2018 âm lịch (nhằm ngày 4/7/2018 dương lịch) tôi kêu bà Th viết tờ phơi cho tôi. Sáng 23/5/2018 âm lịch-6/7/2018 dương lịch tôi mới có thời gian mở quyển tập ra xem thì chính tay bà Th viết ngày 15/5/2018 âm lịch: Đã giao đủ cho Cô (tôi)*....".

+ Tại Đơn tự khai ngày 10/8/2018 (BL 14,15) nguyên đơn trình bày: "*...Đến ngày 21/5/2018 âm lịch (ngày 4/7/2018 dương lịch) tôi kêu bà Th viết tờ phơi cho tôi như thường lệ để về nhà tôi coi lại. Sáng 23/5/2018 âm lịch-6/7/2018 dương lịch tôi mới có thời gian mở quyển tập ra xem, thì chính tay bà Th viết là ngày 15/5/2018 âm lịch. Đã giao đủ cho Cô (tôi)*.....".

[3.3] Như vậy, khi nguyên đơn hốt hụi hai bên đã đối chiếu làm rõ các khoản phải trừ cấn nợ hụi trước đó xong, bị đơn mới viết giấy giao hụi cho nguyên đơn. Rõ ràng khi nhận giấy giao hụi thể hiện bị đơn đã giao đủ số tiền hụi mà hai bên đã đối chiếu 45.500.000đ, nguyên đơn không phản ứng hoặc buộc bị đơn phải ghi xác nhận số tiền này chưa giao. Nay nguyên đơn mới phản đối, cho rằng bị đơn chưa giao tiền hụi cho nguyên đơn là không có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chính xác, có cơ sở.

Nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp thêm được chứng cứ nào khác, nên không có cơ sở để cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu. Xét cần giữ y quyết định của án sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên phúc thẩm là có căn cứ.

[4] Tuy nhiên cần rút kinh nghiệm đối với cấp sơ thẩm là: theo quy đ□nh t□i điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nguyên đơn là người cao tuổi sẽ được xem xét miễn tạm ứng án phí, án phí. Cấp sơ thẩm không hướng dẫn cho đương sự làm đơn để được xem xét và đã cho nộp tạm ứng án phí cũng như buộc chịu án phí sơ thẩm là không đúng quy định. Cần sửa án về án phí, miễn cho nguyên đơn theo quy định.

Về án phí phúc thẩm: Mặc dù kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận, nhưng do nguyên đơn là người cao tuổi nên được miễn theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; Điều 91, 92; khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Dương Thị Th; Sửa bản án sơ thẩm về án phí.

1/- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Th về việc yêu cầu bị đơn bà Bùi Thị T có trách nhiệm trả số tiền hụi 45.500.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu năm trăm ngàn đồng).

2/- Về án phí: Nguyên đơn được miễn nên không phải chịu án phí sơ thẩm và phúc thẩm; được nhận lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 1.137.000đ theo Biên lai số 001081 ngày 28/08/2018 và 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 001604 ngày 07/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Tr□□ng h□p b□n án, quy□t đ□nh đ□□c thi hành theo qui đ□nh t□i Đi□u 2 c□a Lu□t Thi hành án dân s□ thì ng□□i đ□□c thi hành án dân s□, ng□□i ph□i thi hành án dân s□ có quy□n th□a thu□n thi hành án, quy□n yêu c□u thi hành án, t□ nguy□n thi hành án ho□c b□ c□□ng ch□ thi hành án theo qui đ□nh t□i các Đi□u 6, 7 và 9 c□a Lu□t Thi hành án dân s□; th□i hi□u thi hành án đ□□c th□c hi□n theo qui đ□nh t□i Đi□u 30 c□a Lu□t Thi hành án dân s□.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Tuấn Quốc

Nơi nhận :
- Các đương sự
- VKSND.TPCT
- TAND.H.C.
- Chi cục THADS. C.
- Lưu (HS - 2b).